

Số: 189 /QĐ-HĐQLĐTPT

Bình Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 24/4/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Quyết định số 63/1999/QĐ-UBND ngày 04/05/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại Tờ trình số 164/TTr-ĐTPT ngày 28/05/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 324/QĐ-HĐQL ngày 28/11/2014 của Hội đồng quản lý về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương.

**Điều 3.** Hội đồng quản lý, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT. UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thành viên HĐQL Quỹ;
- Như Điều 3;
- Website (bdif.vn);
- Lưu: VT *VT*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ  
CHỦ TỊCH



**Trần Thanh Liêm**  
Chủ tịch UBND tỉnh

**QUY CHẾ CHO VAY**  
**CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 189 /QĐ-HĐQLĐTPT ngày 14/6/2018  
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế cho vay này quy định về hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương đối với khách hàng.

2. Quy chế cho vay này không điều chỉnh hoạt động cho vay đối với khách hàng là tổ chức tín dụng.

**Điều 2.** Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

**Điều 3.** Quỹ được sử dụng vốn hoạt động theo quy định của pháp luật để cho vay các phương án, dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. Khách hàng vay vốn tại Quỹ (sau đây gọi là khách hàng) là pháp nhân được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, pháp nhân được thành lập ở nước ngoài và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

3. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày Quỹ giải ngân vốn vay cho khách hàng cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận của Quỹ và khách hàng. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Đối với thời hạn cho vay không đủ một ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.

4. Kỳ hạn trả nợ là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ.

5. Dư nợ gốc bị quá hạn bao gồm:

- Số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 31 Quy chế này;
- Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ trước hạn khi Quỹ chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Quy chế này.



6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận), thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Gia hạn nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thoả thuận.

7. Phương án sử dụng vốn là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của khách hàng, trong đó phải có các thông tin:

a) Tổng nguồn vốn cần sử dụng, chi tiết các loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn cần sử dụng (trong đó có nguồn vốn cần vay tại Quỹ); mục đích sử dụng vốn; thời gian sử dụng vốn;

b) Nguồn trả nợ của khách hàng;

c) Phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh;

8. Khả năng tài chính là khả năng về vốn, tài sản, các nguồn tài chính hợp pháp khác của khách hàng.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Đối tượng cho vay**

Là các phương án, dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành hàng năm hoặc theo từng thời kỳ, bao gồm các danh mục sau:

1. Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường:

a) Đầu tư kết cấu hạ tầng;

b) Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời;

c) Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường;

d) Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.

2. Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ:

a) Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu công nghệ cao;

b) Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp và khu công nghệ cao;

c) Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề.

3. Nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Các dự án đầu tư kho bãi bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp;

b) Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp;

c) Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ.

4. Xã hội hóa hạ tầng xã hội:

a) Đầu tư xây dựng phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...);

b) Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên;

c) Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương;

d) Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang.

5. Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội khác:

a) Đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ;

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án thuộc ngành công nghiệp xuất khẩu;

c) Đầu tư hạ tầng dự án dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị;

d) Đầu tư kho bãi, cảng, hạ tầng kỹ thuật thông tin, viễn thông...;

đ) Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi.

Đối tượng cho vay tại Điều này được điều chỉnh phù hợp với các chương trình, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Bình Dương trong từng thời kỳ do Giám đốc trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Bình Dương chấp thuận.

#### **Điều 6. Nguyên tắc cho vay, vay vốn**

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm cả pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khách hàng vay vốn tại Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

b) Hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

c) Việc đảm bảo tiền vay phải được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và quy định cụ thể của Quỹ tùy theo đặc điểm vay vốn của từng phương án, dự án đầu tư.

#### **Điều 7. Điều kiện vay vốn**

1. Đối với phương án, dự án đầu tư:

a) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Thuộc danh mục đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;

c) Có tính khả thi, hiệu quả và bảo đảm trả được nợ.

2. Đối với Khách hàng:



a) Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp;

c) Có tình hình tài chính rõ ràng, phù hợp với ngành nghề kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu đánh giá tài chính, đặc biệt là khả năng thanh toán và chi trả, có khả năng tài chính để trả nợ;

d) Thực hiện những quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật và Điều 17, Điều 18 Quy chế này.

đ) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.

### **Điều 8. Những nhu cầu vốn không được cho vay**

1. Quỹ không được cho vay đối với các nhu cầu vốn theo quy định tại các khoản: 1, 2, 3, 4, 5 Điều 8 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước;

2. Quỹ không được cho vay đối với các nhu cầu vốn để trả nợ khoản nợ vay tại tổ chức tín dụng khác và trả nợ khoản vay nước ngoài, trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Là khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh;

b) Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ;

c) Là khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

### **Điều 9. Loại cho vay**

Quỹ xem xét quyết định cho khách hàng vay theo các thể loại trung hạn và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các phương án, dự án đầu tư:

1. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 (một) năm và tối đa 05 (năm) năm;

2. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 (năm) năm.

### **Điều 10. Thời hạn cho vay**

1. Quỹ và khách hàng căn cứ vào chu kỳ hoạt động kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, nguồn vốn cho vay và thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại của khách hàng để thoả thuận về thời hạn cho vay. Thời hạn cho vay không quá thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại của khách hàng.

2. Thời hạn cho vay tối đa là 15 năm, trường hợp cho vay trên 15 năm thì thực hiện theo khoản 1 Điều 16 Quy chế này.

### **Điều 11. Đồng tiền cho vay, trả nợ**

1. Quỹ và khách hàng thoả thuận về việc cho vay bằng đồng Việt Nam phù hợp với quy định quy định của pháp luật.

2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay.

## **Điều 12. Mức cho vay**

Quỹ căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Quỹ và quy định tại Điều 15 Quy chế này để thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay.

## **Điều 13. Lãi suất cho vay**

1. Phương thức áp dụng lãi suất cho vay:

a. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay đối với từng phương án, dự án cụ thể nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Quỹ tính mức lãi suất cho vay quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là 365 ngày), phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế, thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế và thỏa thuận với khách hàng tại hợp đồng tín dụng (phụ lục hợp đồng tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước và khoản 3 Điều này.

b. Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu.

c. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Quy chế này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

d. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

đ. Lãi suất cho vay đối với những dự án đầu tư, phương án kinh doanh thuộc đối tượng ưu đãi vay vốn theo các chương trình mục tiêu riêng của tỉnh áp dụng theo những mức lãi suất riêng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.





e. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

g. Trường hợp thẩm định lại dự án thì Quỹ có thể áp dụng lãi suất mới (nếu có sự thay đổi về lãi suất so với thời điểm duyệt vay) phù hợp với lãi suất cho vay của Quỹ tại thời điểm thẩm định lại.

2. Lãi suất cho vay được điều chỉnh trong từng lần giải ngân theo mức lãi suất cho vay Quỹ công bố ở từng thời kỳ và được cố định trong suốt thời gian vay vốn.

3. Nội dung thỏa thuận về lãi suất cho vay bao gồm mức lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi đối với khoản vay. Lãi vay được tính từ ngày tiếp theo của ngày Quỹ giải ngân khoản giải ngân đầu tiên theo Khế ước nhận nợ cho đến ngày khách hàng trả hết nợ gốc và lãi vay.

a) Lãi vay phải trả được tính trên số dư nợ vay thực tế nhân (x) số ngày vay thực tế nhân (x) lãi suất năm chia (:) cho 365 (ngày).

b) Lãi chậm trả được tính trên số dư nợ lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả lãi nhân (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn (tính theo lãi suất năm) chia (:) 365 ngày (nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả);

c) Trường hợp mức lãi suất cho vay không quy đổi theo tỷ lệ %/năm và/hoặc không áp dụng phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế, thời gian duy trì số dư nợ gốc thực tế đó, thì trong thỏa thuận cho vay phải có nội dung về mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày) tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó.

4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả, tính theo lãi suất năm, nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

5. Trường hợp cho vay hợp vốn (đồng tài trợ): Lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn và các loại phí do các bên tham gia hợp đồng tài trợ thỏa thuận, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh, Quỹ và Khách hàng phải thỏa thuận nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay. Trường hợp căn cứ các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh

dẫn đến có nhiều mức lãi suất cho vay khác thì Quỹ áp dụng mức lãi suất cho vay thấp nhất.

#### **Điều 14. Phí liên quan đến hoạt động cho vay**

1. Quỹ và khách hàng thoả thuận về việc thu các khoản phí liên quan đến hoạt động cho vay, gồm:

a) Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn.

b) Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

c) Phí thu xếp cho vay hợp vốn.

d) Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thoả thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.

đ) Các loại phí khác liên quan đến hoạt động cho vay được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Mức phí cụ thể được thực hiện theo từng trường hợp được thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng hoặc các văn bản có liên quan đã ký giữa Quỹ và Khách hàng.

#### **Điều 15. Giới hạn cho vay**

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế, quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

#### **Điều 16. Thẩm quyền quyết định cho vay**

1. Mức vốn cho vay đối với một phương án, dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ hoặc thời hạn cho vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Mức vốn cho vay đối với một phương án, dự án từ trên 5% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

3. Mức vốn cho vay đối với một phương án, dự án đến 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

#### **Điều 17. Bảo đảm tiền vay**

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay do Quỹ và khách hàng thoả thuận. Việc thoả thuận về biện pháp bảo đảm tiền vay của Quỹ với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm và pháp luật có liên quan. Các biện pháp bảo đảm tiền vay tại Quỹ gồm:

a) Cầm cố, thế chấp tài sản của Khách hàng;

b) Cầm cố, thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;

c) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản của Bên thứ ba;



d) Bảo lãnh của Bên thứ ba;

đ) Cho vay không có tài sản đảm bảo; cho vay tín chấp với sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian chưa trả hết nợ, Khách hàng không được chuyển nhượng, bán hoặc thế chấp, cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay để vay vốn nơi khác.

3. Khách hàng, Bên bảo đảm phải phối hợp với Quỹ để xử lý tài sản bảo đảm tiền vay khi có căn cứ xử lý theo thỏa thuận cho vay, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Tài sản bảo đảm**

1. Tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, trừ trường hợp cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu.

2. Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được.

3. Tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai mà pháp luật không cấm giao dịch. Tài sản hình thành trong tương lai gồm:

a) Tài sản hình thành từ vốn vay.

b) Tài sản đang trong giai đoạn hình thành hoặc đang được tạo lập hợp pháp tại thời điểm giao kết giao dịch đảm bảo.

c) Tài sản đã hình thành và thuộc đối tượng phải đăng ký quyền sở hữu nhưng sau thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm thì tài sản đó mới được đăng ký theo quy định của pháp luật. Tài sản hình thành trong tương lai không bao gồm quyền sử dụng đất.

4. Giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm.

5. Cơ chế quản lý tài sản bảo đảm: Quỹ có quyền và nghĩa vụ đối với tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 19. Cung cấp thông tin**

1. Quỹ có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng đầy đủ các thông tin trước khi xác lập thỏa thuận cho vay: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Khách hàng cung cấp thông tin cho Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các tài liệu gửi cho Quỹ:

a) Các tài liệu quy định tại Điều 22 Quy chế này;

b) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong thỏa thuận cho vay;

c) Các tài liệu để chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

## **Điều 20. Trả nợ gốc và lãi tiền vay**

1. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khả năng tài chính và nguồn trả nợ của Khách hàng, Quỹ và Khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

a) Kỳ hạn trả nợ gốc: Quỹ và Khách hàng thỏa thuận trả nợ gốc theo một kỳ hạn hoặc nhiều kỳ hạn; Số tiền trả nợ và thời gian phân kỳ của mỗi kỳ hạn có thể không bằng nhau.

b) Kỳ hạn trả lãi: Quỹ và Khách hàng có thể thỏa thuận kỳ hạn trả lãi tiền vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng (hàng tháng, quý,...);

2. Trường hợp Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, Quỹ xem xét chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 35 hoặc chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 31 Quy chế này. Quỹ và khách hàng thỏa thuận việc tính tiền lãi phải trả phù hợp với quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Quỹ và Khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Quỹ thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

4. Trả nợ trước hạn: Quỹ và Khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ trước hạn nêu tại Hợp đồng tín dụng. Khách hàng được trả nợ trước hạn khi có đề nghị bằng văn bản được Quỹ chấp thuận và không phải nộp phí trả nợ trước hạn. Trường hợp trả nợ trước hạn không được Quỹ chấp thuận thì Khách hàng phải nộp phí trả nợ trước hạn. Mức phí trả nợ trước hạn được tính theo mức chênh lệch giữa lãi suất nhận nợ vay theo hợp đồng tín dụng với lãi suất huy động đối với tổ chức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương tại thời điểm trả tiền cho kỳ hạn tương xứng với khoảng thời gian trả nợ trước hạn hoặc chấm dứt sớm của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng.

## **Điều 21. Phương thức cho vay**

Quỹ và Khách hàng thỏa thuận việc áp dụng các phương thức cho vay như sau:

1. Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và Khách hàng thực hiện thủ tục cho vay cần thiết và ký hợp đồng tín dụng. Tổng số tiền rút vốn tối đa bằng số tiền vay cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

2. Cho vay theo dự án đầu tư: Quỹ cho Khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Cho vay hợp vốn: Là việc cho vay có từ 2 tổ chức tín dụng trở lên cùng thực hiện cho vay đối với Khách hàng để thực hiện 1 phương án/dự án đầu tư vay vốn, cụ thể:

a) Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo Điều lệ và Quy chế cho vay này, Quy chế đồng tài trợ của Ngân hàng Nhà nước.



c) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi Quỹ hoạt động thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
- Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ hoạt động;
- Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh.

3. Các phương thức cho vay khác phù hợp với điều kiện hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

### **Điều 22. Hồ sơ đề nghị vay vốn**

1. Khi có nhu cầu vay vốn, Khách hàng gửi cho Quỹ các tài liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và các tài liệu khác do Quỹ hướng dẫn phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng chủ đầu tư, từng dự án và từng loại hình cho vay theo Quy chế này. Hồ sơ vay vốn bao gồm:

- Dự án, Phương án sử dụng vốn, trong đó nêu rõ nhu cầu vay vốn tại Quỹ.
- Các tài liệu về hồ sơ pháp lý của Khách hàng còn hiệu lực.
- Báo cáo tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của 2 năm gần nhất.
- Phương án, dự án đầu tư. Hồ sơ pháp lý liên quan đến phương án/dự án đầu tư theo quy định hiện hành.
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay.

2. Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và hợp pháp của các tài liệu gửi cho Quỹ.

### **Điều 23. Hội đồng tái thẩm định**

Các dự án đầu tư/phương án đã được phòng Thẩm định xem xét, thẩm định đề xuất cho vay phải được thông qua Hội đồng tái thẩm định được Giám đốc Quỹ quyết định thành lập; Hội đồng tái thẩm định có nhiệm vụ giúp Giám đốc xem xét lại kết quả thẩm định trước khi quyết định cho vay hoặc trình duyệt cho vay theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

### **Điều 24. Thẩm định và thẩm định lại dự án, phương án**

1. Thẩm định dự án, phương án:

a) Việc thẩm định và quyết định cho vay được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay nhằm đảm bảo khả năng thu hồi vốn, yêu cầu quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh;

- Căn cứ các quy định trong quy chế và các quy định pháp luật có liên quan để loại trừ dần các Khách hàng không đủ điều kiện vay vốn hoặc thuộc diện không được cho vay hoặc hạn chế cho vay nhằm giảm thời gian xem xét.

b) Quỹ thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của Khách hàng theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của phương án, dự án đầu tư và khả năng hoàn trả nợ vay của Khách hàng để quyết định cho vay. Trong quá trình thẩm định, Quỹ được sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Quỹ kết hợp với các thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các kênh thông tin khác.

c) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc đối với cho vay trung hạn và không quá 10 ngày làm việc đối với cho vay dài hạn kể từ khi Quỹ nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và thông tin cần thiết của Khách hàng theo yêu cầu của Quỹ, phòng Thẩm định phải thực hiện báo cáo thẩm định bằng văn bản trình Hội đồng tái thẩm định xem xét:

- Trong trường hợp không chấp thuận cho vay, Quỹ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản trong đó nêu rõ căn cứ từ chối cho vay.

- Trong trường hợp chấp thuận cho vay:

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy chế này, Giám đốc Quỹ phê duyệt báo cáo thẩm định và ban hành thông báo cho vay đối với khách hàng;

+ Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Quy chế này, Giám đốc Quỹ phê duyệt báo cáo thẩm định và tiếp tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay; sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định cho vay, Giám đốc Quỹ ban hành thông báo chấp thuận cho vay gửi Khách hàng biết để tiếp tục thực hiện hồ sơ vay vốn.

2. Thực hiện thẩm định lại phương án/dự án vay vốn trong các trường hợp sau:

a) Dự án có thay đổi lớn so với quyết định đầu tư đã phê duyệt và được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án bằng văn bản đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

b) Sau 12 tháng kể từ khi Quỹ có ý kiến thẩm định nhưng phương án/dự án chưa được triển khai thực hiện.

c) Khách hàng có văn bản đề nghị và được Quỹ chấp thuận.

## **Điều 25. Thỏa thuận cho vay**

1. Quỹ và Khách hàng thỏa thuận cho vay được lập thành Hợp đồng tín dụng theo mẫu ban hành kèm theo Quy chế này để giao dịch trong giao kết thỏa thuận cho vay (Đính kèm các mẫu Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay);

2. Hợp đồng tín dụng mẫu được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có các nội dung được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước.

3. Quỹ tổ chức thực hiện:

a) Niêm yết công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cho vay tại trụ sở và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Quỹ (bdif.vn);

b) Cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho khách hàng biết trước khi ký kết thỏa thuận cho vay và có xác nhận của khách hàng về việc đã được Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin. Việc xác nhận của Khách hàng được thực hiện theo văn bản riêng và/hoặc được ghi trong thỏa thuận cho vay.



4. Nếu phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến an toàn tín dụng, Quỹ đình chỉ việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng với khách hàng để chưa hoặc không cho vay theo kết quả thẩm định cho vay.

#### **Điều 26. Giải ngân khoản vay và kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay**

1. Điều kiện giải ngân: Hoàn thành các thủ tục về tài sản bảo đảm tiền vay, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc giải ngân:

a) Giải ngân vốn vay phải đúng mục đích sử dụng vốn, nhu cầu vay vốn đầu tư phương án/dự án đã được duyệt cho vay.

b) Giải ngân vốn vay trên cơ sở đề nghị của Khách hàng theo tiến độ triển khai dự án, phương án và mục đích sử dụng tiền vay thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

c) Quỹ hướng dẫn chi tiết hồ sơ, trình tự thủ tục giải ngân và kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

3. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay và trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, báo cáo bằng văn bản và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Quỹ.

4. Theo định kỳ hoặc đột xuất, Quỹ có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy trình nghiệp vụ tín dụng của Quỹ.

#### **Điều 27. Theo dõi, thu hồi nợ và lãi**

1. Đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) quy định trong hợp đồng tín dụng (hoặc phụ lục hợp đồng) đã ký, Khách hàng có trách nhiệm chủ động trả đủ nợ cho Quỹ đúng hạn.

2. Nếu Khách hàng không trả được một phần hay toàn bộ nợ (gốc) đúng hạn theo thỏa thuận và không được Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ thì Quỹ chuyển số nợ gốc đến hạn trả nhưng chưa trả sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

3. Trường hợp Khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận đã cam kết thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất tại khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

4. Khách hàng có nợ quá hạn trên 06 tháng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu hoặc thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro nhưng vẫn chưa thu đủ nợ (gốc, lãi), Quỹ sẽ xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc quy định bảo đảm tiền vay của Quỹ.

#### **Điều 28. Quyết toán vốn đầu tư**

1. Khi dự án đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng (sau đây gọi tắt là công trình hoàn thành), Khách hàng có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành và phê duyệt quyết toán theo thẩm quyền;

2. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tổng số vốn tín dụng của Quỹ đã cho vay;

3. Trường hợp số vốn tín dụng của Quỹ theo quyết toán công trình hoàn thành được phê duyệt nhỏ hơn số vốn tín dụng của Quỹ đã giải ngân cho phương án/dự án, Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả phần chênh lệch cho Quỹ.

## **Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ**

### 1. Quyền của Quỹ:

a) Có quyền yêu cầu Khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh dự án/ phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.

b) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, phù hợp với các quy định tại Quy chế này. Được quyền từ chối cho vay nếu dự án /phương án và Khách hàng không đủ điều kiện vay vốn theo quy chế này.

c) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách hàng trước, trong và sau đầu tư. Được quyền kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản thế chấp, cầm cố của Khách hàng, tài sản thế chấp, cầm cố của Bên thứ ba.

d) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ vay trước hạn khi phát hiện Khách hàng vay, Bên thứ ba cung cấp thông tin sai sự thật; vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn tín dụng. Trường hợp cần thiết, Quỹ được khởi kiện Khách hàng, Bên thứ ba vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

đ) Khi đến hạn trả nợ, nếu Khách hàng không trả được nợ và các Bên không có thỏa thuận khác thì Quỹ được quyền xử lý tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản thế chấp, cầm cố của Khách hàng; tài sản thế chấp, cầm cố của Bên thứ ba để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

e) Xử lý rủi ro theo quy định từ Điều 32 đến Điều 36 Quy chế này và thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án/phương án được khoan nợ, xóa nợ và theo quy định của pháp luật.

g) Quỹ có quyền tự chủ trong hoạt động cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động cho vay của Quỹ.

### 2. Nghĩa vụ của Quỹ:

a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

b) Kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tình hình khai thác kinh doanh phương án và tài sản bảo đảm tiền vay theo định kỳ; lập báo cáo nhận dạng rủi ro có thể phát sinh trong quá trình cho vay; theo dõi, đánh giá và kiểm soát rủi ro; đề xuất phương án xử lý rủi ro (nếu có) nhằm bảo toàn nguồn vốn Quỹ.

c) Lưu giữ bảo quản hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

## **Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng**

### 1. Quyền của Khách hàng:

a) Từ chối yêu cầu của Quỹ không đúng các quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay.

b) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay của Quỹ theo quy định của pháp luật.



c) Được yêu cầu giải ngân vốn vay khi có đủ hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán theo đúng quy định.

d) Được trả nợ trước hạn khi được Quỹ chấp thuận.

## 2. Nghĩa vụ của Khách hàng:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn vay cho Quỹ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu đã cung cấp theo quy định tại Điều 7, Điều 19 và Điều 22 Quy chế này. Tạo điều kiện cho Quỹ thực hiện kiểm tra trước, trong và sau cho vay. Gửi đủ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm cho Quỹ trong suốt thời gian chưa trả hết nợ vay.

b) Thực hiện đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo tiền vay.

c) Thực hiện báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

d) Trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch (lịch) trả nợ trong hợp đồng tín dụng.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng thỏa thuận về việc trả nợ vay và các nghĩa vụ đảm bảo tiền vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo tiền vay.

### **Điều 31. Nợ quá hạn**

Quỹ chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Quỹ chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; Quỹ thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

### **Điều 32. Xử lý rủi ro**

1. Khách hàng phải có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ theo đúng hợp đồng tín dụng (hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng) đã ký.

2. Trong một số trường hợp cụ thể, các dự án/phương án vay vốn tại Quỹ được áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro bao gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (bao gồm lùi thời điểm bắt đầu trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ trong từng kỳ hạn, điều chỉnh thời hạn trả nợ trong từng kỳ hạn), gia hạn nợ; khoan nợ và xóa nợ (gốc và lãi); bán nợ.

3. Rủi ro xảy ra cho các dự án/phương án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của phương án/dự án mà dẫn đến việc Khách hàng gặp khó khăn trong trả nợ vay thì Khách hàng được xem xét gia hạn nợ; xóa, giảm lãi tiền vay; khoan nợ.

b) Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà Khách hàng không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính của Khách hàng theo quy định để thu hồi nợ;
- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

- Được xem xét, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

### **Điều 33. Thẩm quyền xử lý rủi ro**

1. Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ. Riêng đối với trường hợp thẩm quyền quyết định cho vay thuộc Hội đồng quản lý Quỹ, việc gia hạn nợ do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định, điều chỉnh kỳ hạn nợ do Giám đốc Quỹ quyết định. Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc miễn, giảm lãi tiền vay, phí, xóa nợ lãi, phí.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc. Trường hợp xóa nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 34. Hội đồng xử lý rủi ro**

Hội đồng xử lý rủi ro do Giám đốc Quỹ quyết định thành lập có nhiệm vụ tham mưu Giám đốc xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng; Trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 35 và Điều 36 Quy chế này.

### **Điều 35. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

Quỹ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, như sau:

1. Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

2. Khách hàng không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của Khách hàng.

3. Khi có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Khách hàng phải gửi văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ kèm phương án/kế hoạch trả nợ mới cho Quỹ.

4. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

### **Điều 36. Chấm dứt cho vay, xử lý nợ**

1. Quỹ có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay. Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Quỹ thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị



thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

2. Trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, thì Quỹ có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì khách hàng có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ.

3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm bị tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Quỹ đối với khách hàng, bên bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

### **Điều 37. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

1. Quỹ và khách hàng được thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp Quỹ hoặc khách hàng không thực hiện đúng nội dung trong Hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

2. Quỹ và khách hàng có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp Quỹ và khách hàng có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

### **Điều 38. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro**

Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

### **Điều 39. Cho vay theo ủy thác**

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ cho vay theo ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác cho vay đã ký kết với cơ quan đại diện của Chính phủ hoặc tổ chức, cá nhân. Việc cho vay ủy thác phải phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về tín dụng, hợp đồng ủy thác và hướng dẫn của Quỹ.

b) Quỹ được hưởng phí ủy thác và khoản hưởng lợi khác đã thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác cho vay.

c) Quỹ phải chịu trách nhiệm cho vay đúng đối tượng, đúng dự án, thu hồi vốn, lãi cho vay theo Quy chế này và các thỏa thuận khác đã thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác cho vay.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

#### **Điều 40. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra**

1. Quỹ có trách nhiệm cung cấp báo cáo theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định chế độ báo cáo hiện hành.

2. Hoạt động cho vay và thu hồi nợ của Quỹ chịu sự quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 41. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 15/03/2017 đến khi Quỹ ban hành thông báo áp dụng tính lãi suất cho vay quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là 365 ngày), phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế và thỏa thuận với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước.

2. Đối với các Hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày 15/03/2017: Quỹ và Khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 42. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Giám đốc và các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương, các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng Quản lý xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế này để tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. / *2012*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thanh Liêm  
Chủ tịch UBND tỉnh**